

TÔN GIÁO: THIÊNG HAY TỤC PHÂN TÍCH TÔN GIÁO TỪ GÓC ĐỘ HIỆN TƯỢNG HỌC

Tóm tắt: Bài viết này phân tích cập phạm trù hết sức cơ bản của tôn giáo là cái Thiêng và cái Tục từ góc độ hiện tượng học. Liên quan đến chủ đề này, khi bàn về ý nghĩa hiện đại và ý nghĩa cổ điển của cái Thiêng, tác giả chú trọng thảo luận về vấn đề thể tục hóa của tôn giáo và các chức năng xã hội của tôn giáo.

Từ khóa: Cái Thiêng, cái Tục, tôn giáo, hiện tượng học, thể tục hóa của tôn giáo, chức năng xã hội của tôn giáo.

1. Vấn đề và phương pháp

Tôn giáo là một hiện tượng có từ lâu đời của nhân loại. Cho nên, nhiều nhà nghiên cứu tôn giáo coi sự tồn tại của con người là một loại tôn tại mang tính tôn giáo. Trao đổi với các nhà nghiên cứu tôn giáo của Việt Nam, tự nhiên chúng tôi có hai loại cảm xúc: Một là, muốn khôi phục hiện thực trạng thái nguyên sơ của tôn giáo. Hai là, suy nghĩ cách thức giải thích một cách hiện đại về tôn giáo.

Theo chúng tôi, trạng thái nguyên sơ của tôn giáo chính là “hạt nhân sự sống” (Die Existentielle Kern)¹. Nó có ở lễ hiến sinh của thổ dân Châu Úc và Nam Mỹ; cũng có ở lễ hoa đăng đêm 15 tháng 1 (lịch Tây Tạng) hằng năm của người Tây Tạng. Những hoạt động như thờ cúng tổ tiên, tế lễ, vu thuật, bói toán, nghi lễ trong các tôn giáo khác nhau được bảo tồn trong xã hội người dân đều là hình thức biểu hiện “hạt nhân sự sống” của tôn giáo, đang duy trì lịch sử tồn tại thiêng hóa của nhân loại.

Nhiều loại hình tôn giáo trong lịch sử đều biểu đạt thái độ đối với tự nhiên, số phận cá nhân và thế giới sự sống. Nhà sử học tôn giáo nổi tiếng M. Eliade đã viết trong phần cuối tác phẩm *Chuyên luận lịch sử tôn giáo* (*Traité d'histoire des religions*, Paris, Payot, 1964)² rằng: “Tôn giáo Tây Tạng về tổng thể có nhiều điểm tương tự Ấn Độ giáo và Công giáo thời Trung Cổ, đều là tôn giáo truyền thống, tôn giáo cứu chuộc và truyền

* GS. TS., Đại học Trung Sơn, Trung Quốc.

thống bí truyền. Ngay cả sự tương đồng về chính trị và thần quyền của Giáo hội Công giáo La Mã Phương Tây thời Trung Cổ với Lạt Ma giáo cũng làm người ta ngạc nhiên³. Từ đó thấy rằng vấn đề cốt lõi tôn giáo là ở chỗ làm thế nào để lột tả được đời sống thiêng của con người trên cơ sở “hạt nhân sự sống” của tôn giáo?

Do vậy, chúng tôi cho rằng, cần thoát khỏi chủ nghĩa lý trí và thái độ siêu tự nhiên trong việc lý giải tôn giáo theo cách truyền thống, thử vận dụng quan điểm hiện tượng học để xem xét tôn giáo: Thứ nhất, thông qua hiện tượng hoàn nguyên tìm ra “hạt nhân sự sống”/cái Thiêng (das Heilige), tức là thấy nó mang tính thiêng trong đời sống trần thế của nhân loại. Thứ hai, dùng sinh tồn luận (Existentialism) của hiện tượng học để miêu tả biểu hiện thế tục hóa của tính thiêng trong tôn giáo.

Ở phương diện này, chúng tôi chủ yếu đề cập đến công việc của các nhà tôn giáo học như R. Otto, G. Simmel, và M. Eliade.

2. Tôn giáo ở đâu (Wo)? Tôn giáo ở kia (Da)!

Nghiên cứu tôn giáo học, khảo cổ học cho thấy, tôn giáo gần như là một hiện tượng sống song hành với sự tiến hóa của nhân loại.

Theo M. Eliade, ngay từ thời đại người vượn Bắc Kinh và người Neanderthal⁴ đã có niềm tin về sự sống sau khi chết. Người nguyên thủy đã dùng đá đỏ thay thế máu trong tang lễ, coi đó tượng trưng cho sự sống. Hiện tượng này còn phổ biến ở nhiều nơi khác trên thế giới⁵. Người nguyên thủy đã dùng cách xử lý thi thể mà họ cho là thiêng nhất. Hàm nghĩa tôn giáo của tập tục này, cho dù còn nhiều cách lý giải khác nhau, nhưng chúng ta có thể tin rằng, người nguyên thủy đã dùng tang lễ thiêng hóa để biểu đạt niềm tin về sự sống sau khi chết.

Bất kể như thế nào, niềm tin vào sự tồn tại của con người sau khi chết liên quan đến niềm tin vào sự tồn tại của một lực lượng tinh thần phi nhân cách trong vũ trụ. Với người Trung Quốc, lực lượng đó là quỷ hồn⁶. Với người Melanesian⁷, đó là *mana*, một lực lượng thiêng vừa tồn tại ở núi rừng, vừa nhập vào mỹ nữ hoặc động vật hung dữ.

Từ đó, các nhà nhân học thời kỳ đầu như Edward B. Tylor dùng thuyết hồn linh giáo (Animism) để định nghĩa tôn giáo nguyên thủy của nhân loại, cho rằng loại tôn giáo này hoàn toàn tồn tại trong dạng niềm tin và trong hoạt động thực tiễn. R. R. Marett còn cho rằng, thuyết tiền hồn linh giáo (Preanimism) và thuyết sức sống (Dynamism) là niềm tin

cơ bản và lâu đời nhất của người nguyên thủy. Hai ông tin rằng, trong tự nhiên tồn tại lực lượng thiêng phi nhân cách, và con người có thể (hoặc cần phải) tiếp xúc thông qua các nghi lễ, để “sự sống của mình được an bài”, theo cách nói của các nhà tân Nho Trung Quốc.

Rõ ràng, lý thuyết của các nhà nhân học nói trên đã cho chúng ta thấy một loại nguồn gốc của tôn giáo: tôn giáo bắt nguồn từ niềm tin về lực lượng thiêng phi nhân cách, chẳng hạn như quỷ hồn hay *mana*. Sau đó, niềm tin này lại được nhân cách hóa, phát triển thành thần linh nhân cách hóa, rồi nữa là đa thần giáo, cuối cùng mới biến thành nhất thần giáo mà chúng ta thấy ngày nay (như Do Thái giáo, Kitô giáo, Islam giáo) và vô thần giáo (như Phật giáo)⁸. Không khó tưởng tượng rằng, tình cảm của loài người thể hiện trong niềm tin tôn giáo là đa dạng và phức tạp: vừa có cảm giác yêu mến, tôn kính, tin tưởng, dựa dẫm; vừa có cảm giác nhỏ bé, thấp kém, trống rỗng và dang hiến. Nhưng cho dù có nhiều cảm nhận như vậy vẫn chưa thể là nội hàm tận cùng của lòng sùng bái tôn giáo. Vậy chúng ta dựa vào ý nghĩa nào để nói rằng, niềm tin tôn giáo có tính thiêng? Theo R. Otto, trong sự trải nghiệm đời sống thể tục phức tạp, mỗi người đều có thể hoàn nguyên ba loại cảm nhận tôn giáo (Feeling) có thể gọi là Thiêng/thần bí (Numinous). Thứ nhất là cảm nhận sản phẩm của Đấng Sáng Tạo (Creature-Feeling)⁹. Thứ hai là cảm nhận sự kính sợ (Tremendum)¹⁰. Thứ ba là cảm giác bị mê hoặc (Fascinans)¹¹. Ba loại cảm nhận tôn giáo này đều cấu tạo một cách nguyên sơ nên niềm tin của con người tôn giáo (Homo-Religious): luôn tin tưởng có một thực thể tuyệt đối - một Đấng Thiêng tồn tại, từ đó tin rằng sự sống của ta có một khởi nguồn linh thiêng.

Nhưng M. Eliade không thỏa mãn với nghiên cứu của R. Otto chỉ giới hạn cái Thiêng ở phương diện phi lý tính trong trải nghiệm tôn giáo. M. Eliade không chú trọng vào quan hệ giữa lý tính và phi lý tính trong yếu tố tôn giáo, mà nắm bắt chính thể cái Thiêng. Nói cách khác, ông hy vọng kế thừa cuốn *Cái Thiêng (Das Heilige)* của R. Otto giải thích cái Thiêng tự hiển hiện và chứng thực ra sao. Bất kể là tôn giáo nguyên thủy nhất (nhiều yếu tố chỉ thấy qua khảo cổ), hay tôn giáo phát triển nhất (the most highly developed religion) có quan hệ với khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất, thì tất cả lịch sử tôn giáo đều được cấu thành bởi nhiều thực thể (Eliade gọi là thực thể Thiêng/Hierophany) khác nhau. Nói cách khác, thực thiêng đó, bất kể là y phục của Đạo sĩ hay Tăng sĩ, là chén thánh của Kitô giáo hay là đá thiêng ở Thánh địa Meca của Islam giáo, đối với con

người tôn giáo (con người có trải nghiệm tôn giáo)¹², không còn là vật thể vốn có mà đã chuyển hóa thành vật thiêng hóa và siêu nhiên. Cụ thể hơn, với con người tôn giáo, bất kể là rừng núi, sông hồ hay tuyết sương, mưa gió, cầu vồng; bất kể là chim trời, cá nước hay phiến đá, viên ngọc, tất cả đều tự thể hiện tính thiêng của vũ trụ. Nói chung, “vũ trụ là một chỉnh thể, nó cũng có thể trở thành một thực thể thiêng”¹³. Rõ ràng, sự tồn tại tôn giáo đã tái tạo tự nhiên, mang đến cho tự nhiên một mối liên hệ tổng thể linh thiêng. Đồng thời, đời sống thế tục cũng thăng hoa tới không gian và lực lượng thiêng.

Thực vậy, khi M. Eliade nói rằng Thiêng và Tục là hai dạng thức tồn tại ở thế giới này, có nghĩa là hai trạng thái tồn tại mà con người tiếp nhận trong lịch sử của mình. Ông nói thêm: “Hai phương thức tồn tại đó trên thế giới hoàn toàn không chỉ liên quan với lịch sử tôn giáo và xã hội học; không chỉ là đối tượng nghiên cứu của riêng sử học, xã hội học, văn hóa học. Nói một cách cơ bản, hai dạng thức tồn tại Thiêng và Tục đều phụ thuộc vào việc loài người đã chiếm lĩnh những vị trí khác nhau trong vũ trụ này. Vì vậy, chúng là vấn đề quan tâm chung của nhà triết học và những người ra sức tìm kiếm viễn cảnh khả năng loài người tồn tại trên thế giới này”¹⁴.

Vấn đề này căn bản là một vấn đề nhân học có cơ sở hiện tượng học. Do đó, chúng ta có thể nói về Thiêng và Tục của tôn giáo trong ý nghĩa kép. Thứ nhất, con người vốn có tính tôn giáo. Nghĩa là, tôn giáo xuất hiện từ xung động và nhu cầu linh hồn của con người¹⁵. Những nhu cầu và xung động này không liên quan đến thực tế trải nghiệm và phạm trù nhận biết. Bởi vì, bản chất ý thức của tôn giáo là đối diện với cái Thiêng tự hiển lộ nhưng lại chưa được nhận biết. Đối diện ý nghĩa đó về căn bản không phải là cái Thiêng tự do trong cái Tục. Do đó, quan hệ minh bạch giữa con người và cái Thiêng hoàn toàn không phải do con người thông qua nghiên cứu mà có, mà chỉ có thể do cái Thiêng tự hiển lộ. Vậy là, bản thân con người cần phải theo đó mà suy nghĩ cái khả năng hiển chứng về cái Thiêng. Đồng thời, sự hiển chứng này có thể dẫn đời sống thế tục của con người hướng đến chính cái Thiêng. Bởi do cái Thiêng bằng phương thức tự do chi phối tính siêu nghiệm của con người, nên nó cũng cấu thành bản chất của con người. Thứ hai, con người cũng chính vì điểm đó đã bắt đầu sự sống trần tục mang tính lịch sử của mình. Tuy nhiên, con người lại có tính tôn giáo. Nói cách khác, chính bởi có tính tôn giáo, con người mới không chỉ là sinh vật tồn tại có nghĩa vụ chuyển hướng lịch sử

của bản thân. Do đó, chúng ta có thể kết luận, theo bản chất nguyên sơ, con người ngay từ ban đầu đã mong đợi xuất hiện sự kiện lịch sử - một lần có thể đạt đến sự hiển chứng cái Thiêng. Nhưng nghĩ lại một chút, giả sử cái Thiêng tự do không muốn tự hiển lộ, mà muốn giữ yên lặng, thì con người lại nỗ lực đạt đến mức tự thân hoàn thiện tốt nhất và cao nhất, đó là sự hòa hợp giữa tôn giáo và ý thức của bản thân, để lắng nghe sự yên lặng của cái Thiêng.

3. Cái Thiêng: cổ điển hay hiện đại?

Tuy vậy, lịch sử tồn tại tôn giáo tính của con người có một vấn đề: tôn giáo một khi đã đặt chân vào lịch sử, tính thiêng của nó theo đó bị thôn tính, thậm chí bị giải cấu trúc¹⁶ bởi các loại đời sống thế tục. Nói cách khác, trong xã hội hiện đại mà chúng ta đang sống, những nhân tố tôn giáo nào đó giữa con người và con người cũng chẳng còn dễ nhận biết như thời xã hội cổ xưa nữa. Một mặt, điều có thể nhận thấy ở mọi nơi trong đời sống xã hội là: giải trí đại chúng đã thay thế thẩm mỹ cá nhân, pháp luật muốn thay thế sự hoàn thiện đức tính, giáo dục đạo đức thay thế sự cầu nguyện tôn giáo, phát minh khoa học thay thế sự trầm tư tinh thần. Mặt khác, những người từng một thời cho rằng, tôn giáo sẽ rất nhanh bị diệt vong trong chính thể mới đành phải kinh ngạc nhận thấy rằng, số người sùng kính và hiểu kỳ tôn giáo ngày càng gia tăng. Mỗi dịp có lễ hội truyền thống hoặc lễ nghi tôn giáo, rất nhiều người đổ về cầu khẩn hoặc quỳ lạy tụng kinh ở cơ sở thờ tự các tôn giáo. Hiện tượng còn thú vị ở chỗ, khi hình thức lễ bái theo nhạc Jazz và nhạc Rock thâm nhập nhà thờ ở Mỹ, thì các lễ vật thờ cúng theo kiểu công nghệ điện tử cũng có mặt trong các chùa, quán ở Trung Quốc. Xa nữa, một chút châm biếm chính trị khi Mao Trạch Đông nói rằng, nhân dân chính là Thượng Đế thì cũng chính ông ta rất thích nhân dân cúi chào mình và hô ba lần “vạn tuế”, khiến mình trở thành thần tượng tôn giáo - bậc cứu tinh vĩ đại của nhân dân¹⁷.

Cho nên, khi suy nghĩ về ý nghĩa hiện đại và ý nghĩa cổ điển của cái Thiêng, chúng tôi buộc nêu ra vấn đề sau: tính thiêng tôn giáo nơi con người sẽ thể hiện như thế nào trong xã hội hiện đại? Hoặc giả, chúng ta lý giải ra sao về tính thiêng tôn giáo trong xã hội hiện đại? Trong xã hội hiện đại, tính thiêng tôn giáo sẽ tự hiển lộ bằng phương thức nào?

Ở đây, chúng tôi thấy cần thảo luận vấn đề này trong sự thế tục hóa (Secularization) của tôn giáo. Tổng hợp từ nghiên cứu liên ngành xã hội

học tôn giáo, văn hóa học tôn giáo, tâm lý học tôn giáo và nhân học tôn giáo, chúng tôi muốn đưa ra bốn phương diện dưới đây để nói rằng, trong tiến trình thế tục hóa, ý nghĩa cổ điển của tính thiêng tôn giáo được lưu truyền đã biểu đạt bằng hình thức hiện đại như thế nào.

Thứ nhất, suy nghĩ về niềm tin tôn giáo qua nguyên tắc tư duy thực chứng khoa học kỹ thuật hiện đại. Tất nhiên, nguyên tắc tư duy thực chứng của khoa học - công nghệ hiện đại đã có mặt khắp các lĩnh vực. Những người giữ nguyên tắc tư duy này không bị buộc từ chối tin vào bất cứ cách nói nào không thể trải nghiệm có tính thực chứng liên quan đến con người, thế giới hoặc vũ trụ, mà chỉ có ý định giải thích một cách khoa học, triết học, logic về cái Thiêng. Loại tư duy này bị đẩy đến cực đoan là để mong muốn con người thoát ra khỏi ảo tưởng tôn giáo và triết học siêu hình, quay về với cuộc sống thường nhật có thực chứng. Nhưng đời sống tôn giáo cổ điển chẳng phải cũng dựa vào những phương thức tương ứng với mức độ phát triển xã hội, thí dụ như phương thức mà ngày nay chúng ta gọi là khoa học - công nghệ, để duy trì cái Thiêng của mình đấy sao? Đồng thời, do sự trở dậy của triết học phân tích và triết học ngôn ngữ, hàm nghĩa thuộc về cái Thiêng cũng đã được giới định càng rõ ràng, càng tiếp cận với đời sống tinh thần của con người hiện đại, đó chẳng phải là một điểm chứng tỏ ý thức đang hướng tới tự thân hoàn thiện đó sao¹⁸.

Thứ hai, bàn luận về quá trình ngày càng phân hóa giữa lĩnh vực đời sống tôn giáo và lĩnh vực đời sống thế tục phi tôn giáo. Rõ ràng, do sự chuyên nghiệp hóa, thành thị hóa, công nghiệp hóa nảy sinh từ sự phát triển của xã hội, đồng thời đã diễn ra sự cá nhân hóa của niềm tin tôn giáo, tôn giáo trở nên gần như không còn là một niềm tin có thể chia sẻ với người khác, thần bí và thuộc về cá nhân nữa. Cái gọi là yếu tố công cộng (public) của tôn giáo ngày càng ít đi, nó gần như rút lui khỏi các lĩnh vực chính trị, kinh tế, pháp luật, đạo đức, báo chí truyền thông. Ở đây, điều cần nói chính là hai phương diện: một mặt, cho dù ở xã hội sẵn bất thời viễn cổ hay xã hội nông nghiệp thì cũng có thể tìm thấy bóng dáng của sự phân hóa xã hội ngày nay; mặt khác, ở tất cả hoạt động của các lĩnh vực trong xã hội như chính trị, kinh tế, pháp luật, chỉ cần quan sát kỹ sẽ thấy được giá trị tôn giáo vẫn còn tồn tại đằng sau¹⁹. Có lẽ, trong quá trình phân hóa xã hội này, sự phân cách và khác biệt giữa cái Thiêng và cái Tục ngày càng phức tạp. Cuối cùng dẫn đến hai phần thiêng và tục, cuộc sống thật sự trở thành thế giới đa nguyên.

Thứ ba, phân tích về thuyết nhất nguyên tôn giáo và thuyết đa nguyên tôn giáo. Giống như sự phân biệt cái Thiêng và cái Phàm vốn không tồn tại ở xã hội cổ điển, thuyết nhất nguyên tôn giáo và thuyết đa nguyên tôn giáo cũng hoàn toàn là một vấn đề mang tính hiện đại. Nói cách khác, cái Thiêng rốt cuộc là một hay nhiều, là điều không tránh khỏi trong một thời đại toàn cầu hóa kinh tế. Hiển nhiên, nhiều tôn giáo có một vị thần sấm vai là Đấng Sáng Thế hoặc Đấng Cứu Chuộc. Nhưng quan niệm này lại không có ở Phật giáo và Kỳ Na giáo. Vì vậy, đây không phải là một phương diện chủ yếu không dễ thừa nhận là cái Thiêng chung của tôn giáo. Đồng thời, cũng không có chung một cách nhìn giống nhau về sự sống của con người. Một số tôn giáo, bất kể là cổ kính hay hiện đại, có thuyết tái sinh và chuyển kiếp. Một số tôn giáo khác lại không thế. Nội dung hoặc phong cách thần thoại hay truyền thuyết của các tôn giáo cũng có sự khác nhau. Người nghiên cứu tôn giáo trong khi chỉ ra rằng, tôn giáo khác nhau thì có cách trải nghiệm khác nhau, nhu cầu đạo đức²⁰ và nghi lễ²¹ khác nhau, cũng phát hiện ra hình thức tổ chức của mỗi tôn giáo khác nhau về vấn đề cứu rỗi²². Cuối cùng, thần linh thể hiện được hay không ở vật tượng trưng của mình cũng là một vấn đề hóc búa. Cho dù như vậy, việc đưa ra hoặc tìm kiếm một tính thống nhất cho tôn giáo cũng là cần thiết. Nguyên nhân ở chỗ xung đột giữa các niềm tin tôn giáo thường do con người tạo ra. Mặt khác, tính thống nhất có thể là một giá trị vốn có khi con người hướng đến sự đại đồng²³.

Thứ tư, nhận thức về việc duy trì chức năng xã hội truyền thống của tôn giáo. Nếu như nói, tôn giáo vốn là hiện tượng mang tính sinh tồn của con người, vậy bất kể chúng ta lý giải theo ý nghĩa cổ điển hay ý nghĩa hiện đại về tính thiêng tôn giáo, thì giữa chúng cũng tồn tại tính liên tục và tính thống nhất nội tại. Ở điểm này, chúng tôi có thể nói rõ thêm thông qua nhận thức về mấy chức năng xã hội truyền thống của tôn giáo:

- Trong khuôn khổ giảng giải thì nhấn mạnh sự tương đồng về quy phạm và giá trị với chính thể xã hội, tôn giáo có chức năng trong xã hội: biểu hiện ở các phương diện thông thường như các giá trị về sự tôn nghiêm, tự do, bình đẳng, tôn kính người khác, tôn trọng quyền lực, lòng mộ đạo,... của con người. Ngoài ra, cũng biểu hiện ở các phương diện đặc thù như không giết người, không ăn trộm, không nên có con riêng,... Sự kế thừa những ý nghĩa cổ điển của tôn giáo thể hiện ở cơ cấu xã hội hóa, dùng hình thức giáo hóa để chuyển tải các giá trị cốt lõi của xã hội tới quần chúng.

- Cường điệu hóa về quan niệm: Tôn giáo không chỉ chuyển tải các giá trị cốt lõi của xã hội, mà còn từng bước đề cao các quan niệm của con người. Thí dụ, luật pháp của xã hội có các điều trừng phạt tội giết người, trộm cắp, nhưng lại không thể điều chỉnh được vấn đề thế giới quan, nhân sinh quan của con người. Lúc này, tôn giáo sẽ dùng các quan niệm như yêu thương, kỳ vọng,... để xây dựng người công dân tốt, không những không phạm tội lỗi mà còn cống hiến vô tư cho xã hội.

- Đặt con người của xã hội vào các mối quan hệ có ý nghĩa: Tôn giáo đem các vấn đề người cô đơn không nơi nương tựa, nhóm yếu thế trong xã hội, dân di cư,... vào trong xã hội.

- Khẳng định các nhân tố và biểu trưng của các giá trị xã hội: Các ngày lễ tôn giáo, biểu tượng và từ ngữ tôn giáo đều là các nhân tố và biểu trưng đáng được khẳng định, thí dụ như Lễ Giáng sinh, Tết Cừu trùng, Lễ Phật đản, v.v...

- Giúp con người xử lý các nguy cơ: Chức năng này trên thực tế hết sức gần gũi với mục đích cơ bản và bản chất của bản thân tôn giáo, do đó, tính thiêng của tôn giáo được khẳng định trong xã hội hiện đại.

- Là nguồn phúc lợi xã hội: Chức năng cuối cùng mà tôn giáo thể hiện tính thiêng của mình trong đời sống xã hội chính là phục vụ xã hội với tư cách là một đơn vị phúc lợi xã hội.

Thứ năm, về vấn đề tồn tại rốt ráo của con người. Nếu nói sự sinh tồn của con người có sự tồn tại mang tính tôn giáo, vậy thì chỉ khi chúng ta giải thích tôn giáo một cách tiến bộ là nó không trở thành một tôn giáo ngày càng hoàn thiện, mà là không ngừng hoàn thiện, cuối cùng trở thành tôn giáo, như vậy sự tồn tại rốt ráo của con người mới được lý giải. Cũng như nói rằng, tôn giáo của con người ngày càng thuần túy, ngày càng thiêng, cuối cùng sẽ trở thành tôn giáo của bản thân. Giống như loài người cổ đại đã từng xuất hiện các bậc như Không Tử, Lão Tử, Thích Ca, Jesus, Mohammed..., loài người ngày nay cũng có các thánh nhân tôn giáo như M. Gandhi, J. Paul II, v.v... Những thánh nhân tôn giáo này đã sớm thể hiện ý nghĩa thiêng về sự tồn tại rốt ráo của loài người.

4. Phần kết: “chặng đường”(on the way) gặp gỡ “Đấng Tuyệt Đối ngoài Ta (the other)”

Tôn giáo là một dạng hoạt động đặc biệt. Trong xã hội, nó có chức năng không thể thiếu của mình. Biểu tượng thiêng của tôn giáo/cái Thiêng và các nghi lễ liên quan có bốn chức năng quan trọng. Một là,

thúc đẩy quyết tâm hoạt động đạo đức. Hai là, thông qua biểu tượng chung (công cộng) để đoàn kết cộng đồng. Ba là, biểu đạt các thể nghiệm mà chỉ có thơ ca, âm nhạc và hình tượng nghệ thuật mới có khả năng làm được. Bốn là, làm cho con người hướng đến trật tự huy hoàng nhất trên đời và khai mở sự huyền bí bao gồm cả thế giới tự nhiên. Nhìn từ “hạt nhân sự sống” của tôn giáo, nó là một loại tâm linh (Spirituality) quan trọng và có giá trị đối với đời sống loài người. Đồng thời, nó thuần túy là mấu chốt của hiện thế.

Tổ chức tôn giáo nguyên sơ chính là tông tộc. Nó kiến lập trên mọi nghĩa vụ về mặt quan hệ huyết thống, đồng thời là bộ phận cấu thành của tôn giáo. “Trong thế giới cổ đại và gần như cả thế giới luân lý, tôn kính thần linh là bộ phận quan trọng trong đoàn thể chính trị và đời sống gia đình. Trong đời sống như vậy, việc tôn kính thần linh cũng cần thiết chẳng kém ngôn ngữ. Ai muốn né tránh thần linh thì chính là từ chối nghĩa vụ”²⁴. Tuy thần linh của tôn giáo đã ẩn lụi sau xã hội hiện đại, thậm chí đã bị bỏ quên, nhưng tôn giáo tông tộc vẫn dựa theo huyết thống để lưu truyền lại sự thành kính sùng mộ. Điều này trước hết thấy ở nông thôn, sau đó tồn tại một cách gián tiếp ở đời sống nghề nghiệp, cộng đồng, tổ chức chính trị ở đô thị lớn. Tôn giáo trong xã hội hiện đại có thể có hình thức méo mó khác với ở xã hội cổ đại, nhưng “hạt nhân sự sống” của nó là sợi dây duy nhất liên kết cổ kim. Chính vì điều đó, chúng ta tán thưởng những giá trị tôn giáo của nhân loại, thì cũng có thể không thấy trở ngại gì khi đọc thần thoại Hy Lạp, La Mã, ngâm tụng *Kinh Thi*, và vươn tới các phương diện nghệ thuật của đời sống tinh thần.

Nhìn từ bề ngoài, tính thiêng tôn giáo trong xã hội hiện đại gần như là một hiện tượng cộng sinh với nhu cầu xã hội. Trên thực tế, nó cùng với nhu cầu xã hội tạo thành một chỉnh thể nội tại không thể tách rời. Nếu liên kết xã hội là quy phạm của tôn giáo, thì bức tranh toàn cảnh phức tạp cấu thành bởi toàn bộ đời sống của nhân loại không chỉ là một bức tranh về nhu cầu và thể nghiệm của thực tế xã hội, mà còn có tác dụng dẫn dắt những quan niệm phổ biến khác của thực tế xã hội, khiến cho chúng gắn kết nội tại với những thứ như lý trí. Do đó, đối tượng tôn giáo có thể làm cho thực tế xã hội trở nên thiêng liêng hơn, lớn mạnh hơn.

Martin Heidegger từng nói: “Chỉ còn có một Thượng Đế có thể cứu độ chúng ta” (Nur noch ein Gott kann uns retten). Theo thiển ý của chúng tôi, đây là sự thần thánh hóa trong sinh mệnh của con người bất kể ở thời

viễn cổ hay thời ngày nay đều luôn biểu hiện thành cái Thiêng vô hạn (chúng ta có thể gọi nó là “Đấng Tuyệt Đối ngoài Ta”). Cái gọi là lịch sử loài người chính là chặng đường (on the way) chúng ta hướng đến “Đấng Tuyệt Đối ngoài Ta (the other)”./.

Trần Anh Đào dịch

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem Hans Kung và Julia Ching (1988), *Christentum und Chinesische Religion*: 72.
- 2 Chú thích của Ban biên tập.
- 3 M. Eliade (Yên Khả Giai dịch, 2004), *Chuyên luận lịch sử tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội Thượng Hải: 1178.
- 4 Người cổ đại giữa thời Đá mới phân bố chủ yếu ở Châu Âu, Bắc Phi, Tây Á và Trung Á, phát hiện sớm nhất là trong hang động ở lưu vực sông Neanderthal (Đức).
- 5 M. Eliade (Yên Khả Giai dịch, 2004), *Chuyên luận lịch sử tôn giáo*, sđd: 2.
- 6 Ví dụ, người Hách Triết ở đông bắc Trung Quốc quan niệm có ba loại quý hồn; người Độc Long ở Vân Nam quan niệm có hai loại quý hồn. Tham khảo Mậu Chung Giám (2000), *Trung Quốc tôn giáo thông sử*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội: 22.
- 7 Melanesian (tiếng Hy Lạp) là một trong ba quần đảo ở Thái Bình Dương, nghĩa là “Quần đảo người da đen”.
- 8 Tham khảo Ninian Smart (Cao Sư Ninh dịch, 2004), *Tôn giáo thế giới*, Nxb. Đại học Bắc Kinh: 35.
- 9 R. Otto (Thành Củng và Chu Bang Hiến dịch, 1995), *Cái Thiêng*, Nxb. Nhân dân Tứ Xuyên: 10 - 13.
- 10 R. Otto (Thành Củng và Chu Bang Hiến dịch, 1995), *Cái Thiêng*, sđd: 14 - 28.
- 11 R. Otto (Thành Củng và Chu Bang Hiến dịch, 1995), *Cái Thiêng*, sđd: 41 - 48.
- 12 Con người tôn giáo hoàn toàn không phải chỉ tin đồ tôn giáo và người có tín ngưỡng tôn giáo. Từ góc độ thuyết sinh tồn, cụ thể là một trạng thái sinh tồn có tính tôn giáo, nó có thể dùng để miêu tả đời sống của người nguyên thủy tôn giáo, cũng có thể giải thích được sự thăng hoa tình cảm Chân, Thiện, Mỹ mà con người hiện đại (bất kể có tín ngưỡng hay không có tín ngưỡng) theo đuổi. Chúng tôi tin rằng, giữa con người nguyên thủy và con người hiện đại nhất định có tính thống nhất chặt chẽ nào đó.
- 13 M. Eliade (Vương Kiến Quang dịch, 2002), *Thiêng và Phàm*, Nxb. Hoa Hạ: 3.
- 14 M. Eliade (Vương Kiến Quang dịch, 2002), *Thiêng và Phàm*, sđd: 5.
- 15 Tham khảo G. Simmel (Tào Vệ Đông dịch, 1997), *Con người hiện đại và tôn giáo*, Viện Nghiên cứu Kitô giáo Hán ngữ Hồng Kông: 85.
- 16 Con người với tư cách là vật được sáng tạo một cách hữu hạn mới có nhu cầu lắng nghe sự yên lặng của cái Thiêng hiển chứng. Nhưng, con người cũng có thể ngộ nhận rằng, thanh âm đến từ nội tâm của mình chính là sự hiển chứng đến từ cái Thiêng.
- 17 Đoạn kết trong bài hát *Đông phương hồng* rất phổ biến trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa có câu ca ngợi Mao Trạch Đông: “Người là bậc cứu tinh vĩ đại của nhân dân”.

- 18 Về tác dụng của Kitô giáo trong xung đột văn hóa hiện đại, tham khảo G. Simmel (Tào Vệ Đông dịch, 1997), *Con người hiện đại và tôn giáo*, sdd: 47 - 58.
- 19 G. Simmel (Tào Vệ Đông dịch, 1997), *Con người hiện đại và tôn giáo*, sdd.
- 20 Thí dụ, ở Do Thái giáo, Islam giáo và Kitô giáo, giới răn về đức hạnh bao gồm cả yêu cầu hôn nhân. Kết cấu xã hội của Nho giáo và Ấn Độ giáo cũng khác nhau. Thái độ của Kỳ Na giáo và Shikh giáo đối với động vật cũng khác nhau.
- 21 Hiến tế luôn cần thiết, có khi thì cần đi hành hương, có khi cần một đời sống trầm mặc. Một sốnghi lễ ở tôn giáo này được coi là thiêng liêng, ở tôn giáo khác lại là bình thường.
- 22 Kitô giáo nhấn mạnh “không cứu ơn ngoài Giáo hội” (Extra ecclesiam nulla salus); Bà La Môn giáo quan niệm về đẳng cấp do thần định.
- 23 Xem Ninian Smart (Cao Sư Ninh dịch, 2004), *Tôn giáo thế giới*, Nxb. Đại học Bắc Kinh: từ 519 trở đi.
- 24 G. Simmel (Tào Vệ Đông dịch, 1997), *Con người hiện đại và tôn giáo*, sdd: 102.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. M. Eliade (Vương Kiến Quang dịch, 2002). *Thiêng và Phàm*, Nxb. Hoa Hạ.
2. M. Eliade (Yên Khả Giai dịch, 2004), *Chuyên luận lịch sử tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội Thượng Hải.
3. Mâu Chung Giám (2000), *Trung Quốc tôn giáo thông sử*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội.
4. Hans Kung và Julia Ching (1988), *Christentum und Chinesische Religion*, Piper.
5. R. Otto (Thành Củng và Chu Bang Hiến dịch, 1995), *Cái Thiêng*, Nxb. Nhân dân Tứ Xuyên.
6. G. Simmel (Tào Vệ Đông dịch, 1997), *Con người hiện đại và tôn giáo*, Viện Nghiên cứu Kitô giáo Hán ngữ Hồng Kông.
7. Ninian Smart (Cao Sư Ninh dịch, 2004), *Tôn giáo thế giới*, Nxb. Đại học Bắc Kinh.

Abstract

RELIGION: THE SACRED OR THE PROFANE - AN ANALYSIS OF RELIGION FROM PHENOMENOLOGY

The author analysed two main religious categories on the sacred and the profane from phenomenology. Discussing modern and classical significances of the sacredness, the author attached special importance to secularization of religion and social functions of religion.

Key words: Sacredness, religion, Phenomenology, secularization of religion, the social role of religion.